

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI EST BẮC KẠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI EST BẮC KẠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: EST BẮC KẠN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4700287450

**3. Ngày thành lập:** 28/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố số 7, Phường Xuất Hoá, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 0913234536

Fax:

Email: vuquangminh1969@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                 | 4322        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                      | 4610        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                      | 4633        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                     | 4669        |
| 6.  | Trồng cây hàng năm khác                                                               | 0119(Chính) |
| 7.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                               | 0128        |
| 8.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                   | 0131        |
| 9.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                    | 0132        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                             | 8230        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu               | 8299        |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                             | 6619        |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                     | 6820        |
| 15. | Quảng cáo                                                                             | 7310        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                              | 7320        |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                | 7710        |
| 18. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                               | 0899        |
| 19. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                               | 1104        |
| 20. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                 | 2100        |

Thời gian đăng từ ngày 28/12/2021 đến ngày 27/01/2022

|     |                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                          | 4932 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                            | 4933 |
| 23. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                     | 5021 |
| 24. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                       | 5022 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                 | 5510 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                          | 5610 |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển            | 7730 |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                            | 7911 |
| 29. | Điều hành tua du lịch                                                                     | 7912 |
| 30. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch       | 7990 |
| 31. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                     | 8130 |
| 32. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất kinh doanh đồ thủ công mỹ nghệ | 3290 |
| 33. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                             | 3700 |
| 34. | Thu gom rác thải không độc hại                                                            | 3811 |
| 35. | Thu gom rác thải độc hại                                                                  | 3812 |
| 36. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                  | 3821 |
| 37. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                        | 3822 |
| 38. | Tái chế phế liệu                                                                          | 3830 |
| 39. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                         | 3900 |
| 40. | Xây dựng nhà để ở                                                                         | 4101 |
| 41. | Xây dựng nhà không để ở                                                                   | 4102 |
| 42. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                | 4299 |
| 43. | Phá dỡ                                                                                    | 4311 |
| 44. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                         | 4312 |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                     | 4321 |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 55.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ THỊ<br>PHƯƠNG   | Hà Trì 1, Phường<br>Hà Cầu, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 825.000       | 8.250.000.000            | 15,000       | 0011550203<br>60                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 825.000       | 8.250.000.000            | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>XUÂN ĐÀM | Thôn Vệ Linh, Xã<br>Phù Linh, Huyện<br>Sóc Sơn, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.300.0<br>00 | 33.000.000.000           | 60,000       | 0010770270<br>62                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 3.300.0<br>00 | 33.000.000.000           | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                               |                           |           |                |        |              |
|---|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | VŨ QUANG MINH | Số 51 phố Thủ Lệ, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.375.000 | 13.750.000.000 | 25,000 | 001155020360 |
|   |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                               | Tổng số                   | 1.375.000 | 13.750.000.000 | 25,000 |              |
|   |               |                                                                               |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN ĐÀM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077027062

Ngày cấp: 18/11/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn